

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN CHÂU THÀNH  
TỈNH TÂY NINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 17/2022/HNGĐ-ST  
Ngày: 08-4-2022  
V/v “ly hôn, tranh chấp về nuôi con”

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH, TỈNH TÂY NINH**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Trần Thị N Phụng.

*Các Hội thẩm nhân dân:* Ông Nguyễn Văn Vân;

Ông Mai Trần Phúc.

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Đàm Nguyên Phụng – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Tây Ninh.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Tây Ninh tham gia phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Cẩm L – Kiểm sát viên.

Ngày 08 tháng 4 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Tây Ninh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 410/2021/TLST-HNGĐ ngày 05 tháng 11 năm 2021 về việc “ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 05/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 01 tháng 3 năm 2022, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị **Nguyễn Thị T**, sinh năm 1990 (có đơn vắng mặt).

Nơi đăng ký HKTT: Tổ 4, ấp Hòa B (nay là ấp Hòa A), xã H, huyện C, tỉnh Tây Ninh.

Nơi ở hiện nay: Tổ 7, ấp N, xã C, Huyện D, tỉnh Tây Ninh.

2. Bị đơn: Anh **Nguyễn Văn L**, sinh năm 1988 (vắng mặt).

Địa chỉ: Tổ 4, ấp H, xã H, huyện C, tỉnh Tây Ninh.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo đơn khởi kiện ngày **01/11/2021** và lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn – chị **Nguyễn Thị T** trình bày:

Chị và anh Nguyễn Văn L chung sống với nhau vào năm 2009 và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã **Hòa Hội, huyện Châu Thành, tỉnh Tây Ninh vào ngày 26/4/2010**. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc, nhưng đến năm 2013 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do anh L ham mê cờ bạc, không lo làm ăn nên vợ chồng thường bất đồng ý kiến và hay cãi vã nhau. Vợ

chồng sống ly thân từ năm 2016 cho đến nay. Nay tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, chị yêu cầu được ly hôn với anh L.

Về con chung: Vợ chồng có hai con chung tên **Nguyễn Hà Tiên N**, sinh ngày 16/11/2010 và Nguyễn Gia L, sinh ngày 11/10/2014. Hiện các con chung đang sống cùng anh L và cha, mẹ của anh L. Chị đồng ý giao con chung cho anh L được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung, chị không phải cấp dưỡng.

Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Vợ chồng không có nợ ai.

*Bị đơn – anh Nguyễn Văn L:* Tòa án đã triệu tập họp lệ nhiều lần nhưng anh L không đến, không có lý do và cũng không gửi văn bản trình bày ý kiến của mình đối với yêu cầu khởi kiện của chị T nên không có ý kiến trình bày.

*Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành tham gia phiên tòa:*

- Về thủ tục tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký và những người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Nguyễn Thị T với anh Nguyễn Văn L. Về con chung: giao cháu Nguyễn Hà Tiên N, sinh ngày 16/11/2010 và cháu Nguyễn Gia L, sinh ngày 11/10/2014 cho anh L nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục. Chị T không phải cấp dưỡng nuôi con do anh L không yêu cầu. Về tài sản chung: Không yêu cầu giải quyết nên không xem xét giải quyết. Về nợ chung: Đương sự khai không có nên không đặt ra để giải quyết. Về án phí: Chị T phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

*Căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:*

\* Về tố tụng:

[1] Căn cứ đơn khởi kiện cùng các tài liệu chứng cứ kèm theo của nguyên đơn và các tài liệu chứng cứ trong hồ sơ vụ án, có cơ sở xác định quan hệ pháp luật tranh chấp trong vụ án là “ly hôn, tranh chấp về nuôi con” được quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Bị đơn cư trú tại ấp Hòa An, xã Hòa Hội, huyện Châu Thành, tỉnh Tây Ninh nên theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Tây Ninh.

[3] Chị Nguyễn Thị T có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Anh Nguyễn Văn L đã được Tòa án triệu tập họp lệ lần thứ hai tham gia phiên tòa nhưng vắng mặt không vì sự kiện bất khả kháng và trở ngại khách quan. Căn cứ vào quy định tại

khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 và Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt chị T và anh L.

**\* Về nội dung:**

[1] Về hôn nhân: Chị Nguyễn Thị T và anh Nguyễn Văn L chung sống với nhau vào năm 2009 là hôn nhân tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Hòa Hội, huyện Châu Thành, tỉnh Tây Ninh vào ngày 26/4/2010. Nên hôn nhân giữa chị T và anh L là hôn nhân hợp pháp được pháp luật công nhận và bảo vệ.

[2] Xét thấy, quá trình giải quyết vụ án chị T trình bày: Sau khi kết hôn chị và anh L chung sống hạnh phúc, nhưng đến năm 2013 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng là do anh L ham mê cờ bạc, không lo làm ăn, nên vợ chồng bất đồng quan ý kiến và thường hay cãi vã nhau. Vợ chồng sống ly thân từ đầu năm 2016 cho đến nay. Phía anh L, trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho anh L, nhưng anh L không đến Tòa án và cũng không có ý kiến bằng văn bản gửi Tòa án đối với yêu cầu khởi kiện của chị T nên không có ý kiến trình bày.

[3] Tại biên bản lấy lời khai người làm chứng (bút lục 20) bà Lê Thị Thanh H là mẹ ruột của anh L trình bày: “... Chị T và anh L ... chung sống với vợ chồng bà. Trong quá trình chung sống, vào năm 2013 chị T và anh L phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do anh L đam mê cờ bạc, không lo làm ăn. Năm 2016, chị T bỏ nhà đi cho đến nay... Anh L có ý kiến đồng ý theo yêu cầu khởi kiện của chị T... ”.

[4] Thấy rằng: Theo quy định tại Điều 19 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 thì: “Vợ chồng có nghĩa vụ thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau; cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình...”. Hội đồng xét xử nhận thấy, chị T và anh L ly thân nhau thời gian đã lâu, tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, nên chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị T đối với anh L.

[5] Về con chung: Chị Nguyễn Thị T và anh Nguyễn Văn L có hai con chung tên Nguyễn Hà Tiến N, sinh ngày 16/11/2010 và Nguyễn Gia L, sinh ngày 11/10/2014. Chị đồng ý giao con chung cho anh L được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung, chị không phải cấp dưỡng.

[6] Xét thấy, hiện tại các cháu Nguyễn Hà Tiến N và Nguyễn Gia L đang sống cùng anh L, do anh L trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Quá trình giải quyết vụ án, cháu N và cháu L có nguyện vọng được sống cùng anh L. Do đó, Hội đồng xét xử nhận thấy, yêu cầu của chị T có cơ sở chấp nhận, nên giao các cháu Nguyễn Hà Tiến N và Nguyễn Gia L cho anh L được tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục là phù hợp, đúng pháp luật.

[7] Về tài sản chung: Chị Nguyễn Thị T trình bày không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[8] Về đề nghị của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành,

tỉnh Tây Ninh tại phiên tòa, xét thấy: Đây là đề nghị có căn cứ nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[9] Về án phí: Chị Nguyễn Thị T phải chịu theo quy định của pháp luật.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào Điều 56, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị Quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về hôn nhân: Cho ly hôn giữa chị Nguyễn Thị T và anh Nguyễn Văn L.

2. Về con chung: Giao hai con chung tên **Nguyễn Hà Tiến N**, sinh ngày 16/11/2010 và Nguyễn Gia L, sinh ngày 11/10/2014 cho anh Nguyễn Văn L trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Chị Nguyễn Thị T không phải cấp dưỡng nuôi con chung do anh L không yêu cầu.

Chị Nguyễn Thị T có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung: Chị Nguyễn Thị T trình bày không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

4. Về án phí: Chị Nguyễn Thị T phải chịu 300.000 (ba trăm nghìn) đồng nhưng được khấu trừ vào số T tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 (ba trăm nghìn) đồng theo biên lai số **0016883** ngày **05/11/2021** của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu Thành, tỉnh Tây Ninh. **Chị T** đã nộp xong.

Các đương sự có quyền kháng cáo lên Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh để xét xử phúc thẩm trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ.

#### **Nơi nhận:**

- P.KTNV – TAND tỉnh Tây Ninh;
- VKSND tỉnh Tây Ninh;
- VKSND huyện Châu Thành;
- Chi cục THA.DS huyện Châu Thành;
- Đương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Trần Thị N Phụng**